

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày: 16/04/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thu Ba**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Đặng Ngọc Thúy**  
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Đoàn Công Hồng Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Tường Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2024/QĐXXST-DS ngày 29/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2024/QĐST-DS ngày 26/03/2024 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* **Ngân Hàng TMCP K** - Địa chỉ: **Số F Phố Q, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.**

Địa chỉ liên lạc: **Tầng A Tòa nhà T- 306 đường N, quận T, thành phố Đà Nẵng.**

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Đặng Thị Thanh B** – Chức vụ: Giám Đốc xử lý nợ. Theo văn bản ủy quyền số 0224/2023/QĐ-HĐQT ngày 31/3/2023.

Đại diện tham gia tố tụng: Bà **Nguyễn Thị Hương G** – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ. Theo văn bản ủy quyền số 749-03/2023/UQ-TBC ngày 10/10/2023.

\* *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Đức T** - Sinh năm: 1990 và bà **Hoàng Thị Ánh T1** – Sinh năm: 1991 - Địa chỉ: **Tổ D, phường T quận T, thành phố Đà Nẵng.** Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại bản đơn khởi kiện và trình bày ngày 16/4/2024 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương G trình bày:*

Ngày 05/05/2017 T3 với ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 đã ký Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số DNG20170658/HĐTD để ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T2 vay với số tiền vay là 540,000,000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng), mục đích vay để mua ô tô, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất vay áp dụng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày nhận nợ là 6.99%/năm và lãi suất áp dụng cho thời gian còn lại là lãi suất thả nổi.

Theo quy định tại Điều 4.2 của hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số DNG20170658/HĐTD ngày 05/05/2017 thì ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 đã dùng 01 xe ô tô hiệu CHEVROLET số chỗ ngồi 07, chất lượng mới số khung RLLYA7551HH941671 số máy F18D4162860410 làm tài sản để đảm bảo cho khoản vay của ông bà.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 Đến ngày 05/6/2021 ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 đã trả được số tiền là 487,576,797 đồng, trong đó tiền gốc 308,544,000 đồng và tiền lãi là 179,032,797 đồng, ông T trả nợ tiền vay thông qua tài khoản của ông T mở tại T3 với số tài khoản là 19031305720015.

Sau ngày 05/06/2021 ông T và bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc với ông T cũng như người nhà của ông T đề nghị ông T và bà T1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ, nhưng ông T và bà T1 vẫn cố tình day dưa ông trả nợ. Do vậy Ngân hàng Thương Mại cổ phần K đã khởi kiện ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, đề nghị Tòa án buộc ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 phải trả cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần K số tiền tính đến ngày 15/04/2024 là 340.588.320đ (Ba trăm bốn mươi triệu năm trăm tám mươi tám ngàn ba trăm hai mươi đồng trong đó tiền gốc là 231,456,000 đồng tiền lãi phát sinh là 109.132.320 gồm tiền lãi trong hạn 42.748.830đ nợ lãi quá hạn là 58.354.715đ và lãi phạt là 8.028.775đ.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 16/04/2024 cho đến khi ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số DNG20170658/HĐTD ngày 05/05/2017.

Để đảm bảo khoản vay nói trên ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 đã dùng 01 xe ô tô hiệu CHEVROLET số chỗ ngồi 07, chất lượng mới số khung RLLYA7551HH941671 số máy F18D4162860410 làm tài sản đảm bảo



nhưng Ngân hàng Thương mại cổ phần K không yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử lý tài sản mà ông T và bà T1 đã đảm bảo.

Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án đồng thời nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo hòa giải cho bị đơn là ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 nhưng ông T và bà T1 không có văn bản phản hồi và đều vắng mặt không có lý do theo giấy triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại địa phương thì ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 có đăng ký hộ khẩu tại tổ D phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, nhưng hiện nay ông T và bà T1 không có mặt tại địa phương, ông T đã xuất cảnh sang Canada vào năm 2018, bà T1 thì địa phương không nắm được đang ở đâu và làm gì. Trên cơ sở địa phương cung cấp Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần K cung cấp địa chỉ đang sinh sống hiện nay của ông T và bà T1 nhưng Ngân hàng không cung cấp được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa lần thứ hai ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 vắng mặt không có lý do.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:** Đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 259 là cần phải xác minh thu thập về tình trạng xuất nhập cảnh của ông Huỳnh Đức T để có căn cứ xác định thẩm quyền giải quyết vụ án.

Sau khi nghe lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX thảo luận và thống nhất không chấp nhận lời đề nghị tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát.

HĐXX tiếp tục xét xử vụ án vì bị đơn đã thay đổi nơi cư trú ghi trong hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư mới. Theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS năm 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **A. Về tố tụng:**

[1] Tranh chấp hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số DNG20170658/HĐTD ngày 05/05/2017 giữa ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng

**Thị Ánh T1** với **Ngân hàng TMCP K** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù qua xác minh được biết hiện nay ông **Huỳnh Đức T** đã xuất cảnh sang Canada từ năm 2018, nhưng hợp đồng mà ông **T** đã ký hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số DNG20170658/HĐTD ngày 05/05/2017 với **Ngân hàng TMCP K** vào năm 2017, hơn nữa trong quá trình thực hiện ông **Huỳnh Đức T** vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày 05/06/2021, thông qua tài khoản số 19031305720015 mà chủ thẻ là ông **Huỳnh Đức T**.

[2] Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, ông **Huỳnh Đức T** và bà **Hoàng Thị Ánh T1** không có mặt theo giấy triệu tập; thông báo của Tòa án, không có ý kiến phản hồi đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

[3] Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho **Huỳnh Đức T** và bà **Hoàng Thị Ánh T1** nhưng ông **T** và bà **T1** vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông **Huỳnh Đức T** và bà **Hoàng Thị Ánh T1**.

### **B. Về nội dung vụ án:**

[1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số DNG20170658/HĐTD ngày 05/05/2017 giữa **Ngân hàng TMCP K** với ông **Huỳnh Đức T** và bà **Hoàng Thị Ánh T1** đã ký thì ông **Huỳnh Đức T** và bà **Hoàng Thị Ánh T1** đã vay của **Ngân hàng TMCP K** số tiền là 540,000,000 đồng (*Năm trăm bốn mươi triệu đồng*), mục đích vay để mua ô tô, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất lãi suất vay áp dụng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày nhận nợ là 6.99%/năm và lãi suất áp dụng cho thời gian còn lại là lãi suất thả nổi.

Ông **Huỳnh Đức T** và bà **Hoàng Thị Ánh T1** đã trả đến ngày 05/06/2021 số tiền là 487,576,797 đồng, trong đó tiền gốc 308,544,000 đồng và tiền lãi là 179,032,797 đồng, ông **T** trả nợ tiền vay thông qua tài khoản của ông **T** mở tại **T3** với số tài khoản là 19031305720015.

[2] Tính đến ngày 15/04/2024 ông **Huỳnh Đức T** và bà **Hoàng Thị Ánh T1** còn nợ **Ngân hàng TMCP K** số tiền là 340.588.320đ (Ba trăm bốn mươi triệu năm trăm tám mươi tám ngàn ba trăm hai mươi đồng trong đó tiền gốc là 231,456,000 đồng tiền lãi phát sinh là 109.132.320 gồm tiền lãi trong hạn 42.748.830đ nợ lãi quá hạn là 58.354.715đ và lãi phạt là 8.028.775đ.



Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 16/04/2024 cho đến khi ông **Huỳnh Đức T** và bà **Hoàng Thị Ánh T1** thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số DNG20170658/HĐTD ngày 05/05/2017.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền **Ngân hàng TMCP K** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông **Huỳnh Đức T** và bà **Hoàng Thị Ánh T1** phải trả cho **Ngân hàng TMCP K** đến ngày 15/4/2024 số tiền là 340.588.320đ (Ba trăm bốn mươi triệu năm trăm tám mươi tám ngàn ba trăm hai mươi đồng trong đó tiền gốc là 231,456,000 đồng tiền lãi phát sinh là 109.132.320 gồm tiền lãi trong hạn 42.748.830đ nợ lãi quá hạn là 58.354.715đ và lãi phạt là 8.028.775đ.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 16/04/2024 cho đến khi ông **Huỳnh Đức T** và bà **Hoàng Thị Ánh T1** thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số DNG20170658/HĐTD ngày 05/05/2017 là có cơ sở đúng theo quy định tại các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự và các Điều 91 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 nên chấp nhận toàn bộ.

[4] Tại đơn khởi kiện, bản trình bày và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử lý tài sản mà ông **Huỳnh Đức T** và bà **Hoàng Thị Ánh T1** đã đảm bảo là 01 xe ô tô hiệu CHEVROLET số chỗ ngồi 07, chất lượng mới số khung RLLYA7551HH941671 số máy F18D4162860410 nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông **Huỳnh Đức T** và bà **Hoàng Thị Ánh T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $340.588.320đ \times 5\% = 17.029.416đ$

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 91 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP K đối với ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1.

Buộc ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K đến ngày 15/04/2024 340.588.320đ (Ba trăm bốn mươi triệu năm trăm tám mươi tám ngàn ba trăm hai mươi đồng trong đó tiền gốc là 231,456,000 đồng tiền lãi phát sinh là 109.132.320 gồm tiền lãi trong hạn 42.748.830đ nợ lãi quá hạn là 58.354.715đ và lãi phạt là 8.028.775đ.

Ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/04/2024 cho đến khi ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng số DNG20170658/HĐTD ngày 05/05/2017.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Đức T và bà Hoàng Thị Ánh T1 phải chịu với số tiền là 17.029.416đ ( Mười bảy triệu không trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm mười bảy đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí 7.788.457đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0003000 ngày 28/11/2023

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Ba**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Người tham gia tố tụng; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê  
Thành phố Đà Nẵng  
(Giấy CNKH số: 37 ngày 26/4/2019);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**Lê Thị Thu Ba**

